

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HS-ST
Ngày 04-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đán Văn Đ.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phùng Ngọc T.**

2. Bà **Trần Thị H.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt C** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hồng Q** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 791/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2019 đối với:

Bị cáo: VƯƠNG THỊ Đ – Sinh năm: 1974 tại huyện A, tỉnh Hà Giang.

Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): Không; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vương Quốc Á – Sinh năm: 1942; Con bà: Hoàng Thị T – Sinh năm: 1944 ; Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; Chồng: Bế Hữu T - Sinh năm: 1974 (Đã ly hôn); Con: Bế Thị P – Sinh năm: 1996.

Tiền sự, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo Đ hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; Hôm nay có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Vương Thị Đ: Ông **Nguyễn Xuân G** – Sinh năm: 1981; Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. Hôm nay có mặt.

Bị hại: Bà **Hoàng Thị T** – Sinh năm: 1930; Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang. *Người đại diện theo ủy quyền của bị hại:* Ông **Bế Xuân H** – Sinh năm: 1960; Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 06 tháng 8 năm 2018). Hôm nay có mặt.

Người làm chứng:

- Ông **Bế Hữu T1** – Sinh năm: 1974; Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang. Hôm nay có mặt.

- Ông **Hoàng Minh C** – Sinh năm: 1986; Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang. Hôm nay vắng mặt.

- Ông **Bế Văn T2** – Sinh năm: 1985; Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang. Hôm nay vắng mặt.

- Ông **Bế Xuân N** – Sinh năm: 1950; Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang. Hôm nay có mặt.

Người phiên dịch: Bà **Hoàng Lan H**; Địa chỉ: Hội liên hiệp phụ nữ huyện A, tỉnh Hà Giang. Hôm nay có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Vương Thị Đ và ông Bế Hữu T2 tự nguyện chung sống và được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1994, do hai vợ chồng không hợp nhau nên ông T2 đã chủ động ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang xử không công nhận vợ chồng vào ngày 25-9-2017. Sau khi Tòa án giải quyết bị cáo Đ vẫn tiếp tục sống cùng với mẹ chồng là bà Hoàng Thị T tại ngôi nhà sàn của bà T ở thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang (*ngôi nhà do vợ chồng bà T dựng từ năm 1967, sửa chữa lại vào năm 1987, chưa làm thủ tục bán, tặng, cho ai*). Tháng 6-2017, ông T2 yêu cầu bị cáo Đ ra khỏi nhà nhưng bị cáo Đ không đi. Khoảng đầu tháng 7-2018, ông T2 yêu cầu bị cáo Đ chuyển sang ngôi nhà mà ông T2 mới xây tại thôn B, xã C, huyện A nhưng bị cáo Đ không đồng ý nên ông T2 tuyên bố sẽ dỡ nhà, đồng thời chuyển dần đồ đạc và đưa bà T sang nhà mới xây. Sáng ngày 22-7-2018, bị cáo Đ đi làm ruộng từ sáng sớm, ông T2 một mình dỡ vách tường nhà bằng gỗ, phía bên cầu thang lên xuống, rồi nhờ ông Hoàng Minh C; ông Bế Văn T2 và ông Hoàng Văn Q cả ba người cùng trú tại thôn B, xã C, huyện A đến giúp ông T2 khiêng chiếc tủ thờ từ trên nhà xuống dưới sàn, khiêng tủ song mọi người ra về ông T2 tiếp tục thu dọn đồ đạc. Khoảng 09 giờ cùng ngày bị cáo Đ đi làm về thấy ông T2 đang dỡ ván tường liền hỏi "*anh dỡ nhà thì mẹ con tôi ở đâu?*", ông T2 nói "*tao cứ dỡ*", rồi hai bên to tiếng thách thức nhau. Bị cáo Đ nói "*mày dỡ nhà thì tao đốt*", ông T2 nói "*đốt cứ đốt thôi*", bị cáo Đ cầm dao quắm đuổi ông T2, ông T2 chạy quanh nhà và gọi ông Hoàng Minh C đang ở bên nhà ông Bế Xuân N cách đó 10m sang giúp. Ông Cương chạy sang thấy bị cáo Đ đang cầm dao đuổi ông T2 có khuyên hai người không nên đánh nhau. Bị cáo Đ không đuổi ông T2 nữa mà chạy vào buồng lấy 01 can nhựa màu vàng loại 02 lít bên trong có chứa xăng (*Bị cáo Đ mua từ trước mục đích để tập đi xe máy*), ra khu vực bếp lấy bật lửa ga cầm trên tay rồi đi đến khu vực sàn tre (*vị trí tiếp giáp giữa nhà và sàn rửa chân*) ở phía bên phải cầu thang lên xuống. Bị cáo Đ đứng bên trong mái lá cọ (*khoảng cách giữa sàn nhà đến mái lá khoảng 1,3m -1,5m*)

cầm can xăng tay trái, tay phải mở nắp can sau đó chuyển can từ tay trái sang tay phải, rồi làm động tác hất can lên cao cho xăng bên trong can văng ra bám vào mái lá cọ, tiếp đó bị cáo Đ chuyển lại can xăng sang tay trái, rồi tay phải bật bật lửa ga châm vào phần mái lá cọ vừa dính xăng. Thấy lửa bén vào mái lá cọ, bị cáo Đ xuống cầu thang vớt bật lửa ở gầm sàn, rồi đi ra chỗ giếng nước vớt can xăng sau đó đến Công an xã C đầu thú. Thấy bị cáo Đ châm lửa đốt nhà, ông Cương từ dưới chân cầu thang chạy đến chỗ bị cáo Đ đứng, hai tay bê chậu nước hất vào vị trí vừa bén lửa, nhưng do mái lá cọ đã dính xăng nên không thể dập lửa, ông Cương cùng với ông T2 chạy sang nhà ông Bé Xuân Ngụy ngăn không để cho lửa cháy lan sang. Hậu quả 01 ngôi nhà sàn, diện tích 132m² và tài sản trong nhà gồm đồ đạc, vật dụng sinh hoạt bị cháy hoàn toàn, không thể phục hồi, tận dụng.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 12-10-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh Hà Giang. Kết luận: Ngôi nhà bị hủy hoại (cháy) có giá trị là: **246.800.000đ** (Hai trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Bản kết luận định giá tài sản ngày 27-3-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh Hà Giang. Kết luận: Số tài sản riêng của bà Hoàng Thị T gồm các đồ dùng, vật dụng (có bảng kê kèm theo) bị cháy cùng ngôi nhà sàn có giá trị là: **15.883.000đ** (mười năm triệu tám trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản bị hủy hoại là: **262.683.000đ** (Hai trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ chiếc can và tiến hành giám định chất lỏng bên trong can. Bản kết luận giám định số: 4306/C09-P2 ngày 21/8/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an. Kết luận: "**Chất lỏng trong can nhựa là xăng**".

Ngày 04-01-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã tiến hành thực nghiệm điều tra, kết quả thực nghiệm phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và của người làm chứng

Về vật chứng vụ án: 01 chiếc can nhựa màu vàng, nắp bằng nhựa màu đỏ, phần gần miệng can bị phồng rộp, thủng, can loại 02 lít. (đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hà Giang để quản lý).

Đối với chiếc bật lửa ga bị cáo dùng để đốt ngôi nhà, bị cáo vớt ở dưới sàn đã bị cháy cùng ngôi nhà không thu giữ được.

Tại cáo trạng số: 37 /CT-VKS ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang. Quyết định truy tố đối với bị cáo Vương Thị Đ về tội "Hủy hoại tài sản" theo khoản 3 Điều 178 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên hôm nay, bị cáo Vương Thị Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 09 giờ ngày 22-7-2018, bị cáo Vương Thị Đ đã thực hiện hành vi hủy hoại tài sản, dùng lửa và xăng đốt ngôi nhà sàn bằng gỗ 07 gian, mái lợp lá cọ, tường bung bằng ván gỗ có diện tích 132m² là tài sản của bà Hoàng Thị T. Hậu quả toàn bộ ngôi nhà sàn và tài sản trong nhà gồm vật dụng, đồ dùng cá nhân của bà T bị cháy, hỏng hoàn toàn. Tổng giá trị của tài sản bị hủy hoại là:

262.683.000đ (hai trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng). Bị cáo thừa nhận hành vi đốt tài sản là sai, bị cáo nhất trí bồi thường thiệt hại về tài sản và mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt tù để bị cáo sớm về hòa nhập với cộng đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại là ông Bé Xuân H công nhận phần trình bày của bị cáo Đ tại phiên tòa là đúng. Tại hồ sơ ông H yêu cầu bị cáo Vương Thị Đ phải có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền là: **622.680.000đ** (sáu trăm hai mươi hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó: Phần thiệt hại của ngôi nhà là: **600.000.000đ** (sáu trăm triệu đồng); Thiệt hại số tài sản vận dụng, đồ dùng cá nhân của bà T là: **22.680.000đ** (hai mươi hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) do bị cáo Đ đã đốt cháy gây ra, theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, ông H yêu cầu bị cáo Vương Thị Đ phải có trách nhiệm bồi thường theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá là: **262.683.000đ** (hai trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng) và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng có mặt tại phiên Tòa đã khai tại hồ sơ hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo Đ khai nhận tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A thực hành quyền công tố tại phiên tòa ngày hôm nay, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đ. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo; lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bị hại; lời khai của người làm chứng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A đề nghị với HĐXX tuyên bố:

Về tội danh: Tuyên bị cáo Vương Thị Đ phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 3 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015;

Đề nghị xử phạt bị cáo Vương Thị Đ từ 42 tháng đến 46 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt.

Về phần dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 48 BLHS; khoản 1 Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 589 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Cần chấp nhận một phần yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của bị hại là ông Bé Xuân Hùng đưa ra, buộc bị cáo Vương Thị Đ phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tài sản bị thiệt hại trị giá là: **262.683.000đ** (hai trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng) theo quy định của pháp luật. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả thiệt hại 10.000.000đ, buộc bị cáo còn phải bồi thường giá trị tài sản bị thiệt hại trị giá là: **252.683.000đ** (hai trăm năm mươi hai triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng)

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng:

Một can nhựa màu vàng, nắp bằng nhựa màu đỏ, phần gần miệng can bị phồng rộp, thùng, can loại 02 lít.

(Theo như biên bản bàn giao giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A, tỉnh Hà Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hà Giang ngày 16-7-2019).

Về án phí: Bị cáo Đ thuộc hộ nghèo của xã C, đã có đơn xin miễn giảm án phí nên đề nghị cho bị cáo được giảm án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Vương Thị Đ là ông Nguyễn Xuân G - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang phát biểu luận cứ có quan điểm đồng tình với việc truy tố, xét xử đối với bị cáo Đ về tội Hủy hoại tài sản theo khoản 3 Điều 178 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về hình phạt người bào chữa xác định anh Bé Hữu T2 là bị hại có một phần lỗi đã dẫn đến sự kích động trạng thái tâm thần đối với bị cáo; bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường khắc phục hậu quả; tại quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đ thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; bị cáo thuộc diện hộ nghèo sinh sống trong vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Do vậy người bào chữa đề nghị HĐXX áp dụng điểm b,e, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 30 tháng đến 36 tháng tù, để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Về phần trách nhiệm bồi thường dân sự, vật chứng, án phí, quyền kháng cáo người bào chữa nhất trí quan điểm luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát không nhất trí với quan điểm đề nghị áp dụng điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Vương Thị Đ vì khi chồng của bà T mất, bà T vẫn còn sống và tất cả những thành viên trong gia đình đều nhất trí đó vẫn là tài sản của bà Hoàng Thị T (chưa làm thủ tục bán, tặng cho ai) nên không có căn cứ để cho rằng anh Bé Hữu T2 cũng là bị hại và có một phần lỗi đã dẫn đến sự kích động trạng thái tâm thần đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đ nhất trí với quan điểm của người bào chữa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại là ông Bé Xuân Hùng có ý kiến nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa.

Quyền của bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Đ nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo Đ xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt tù sớm về với cộng đồng và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Vương Thị Đ khai thừa nhận. Khoảng 09 giờ ngày 22-7-2018, bị cáo Vương Thị Đ đã thực hiện hành vi hủy hoại tài sản, dùng lửa và xăng đốt ngôi nhà sàn bằng gỗ 07 gian, mái lợp lá cọ, tường bung bằng ván gỗ có diện tích 132m² là tài sản của bà Hoàng Thị T. Hậu quả toàn bộ ngôi nhà sàn và tài sản trong nhà gồm vật dụng, đồ dùng cá nhân của bà T bị cháy, hỏng hoàn toàn. Tổng giá trị của tài sản bị hủy hoại là: **262.683.000đ** (hai trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng). Bị cáo Vương Thị Đ là người có đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo Đ thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý hủy hoại tài sản của người khác. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đ phạm tội “Hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015 là phù hợp với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đưa ra tại phiên tòa.

Tại khoản 3, khoản 5 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1

Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. ...

3. Phạm tội gây thiệt hại cho tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Hành vi phạm tội của bị cáo Đ thực hiện là nguy hiểm cho xã hội làm mất trật tự trị an, an toàn xã hội nói chung và trên địa bàn huyện A, tỉnh Hà Giang nói riêng. Hành vi phạm tội của bị cáo gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác. Do vậy HĐXX xét thấy cần lên mức án nghiêm minh tương xứng với tính chất mức độ phạm tội mà bị cáo gây ra, cần cách ly bị cáo trong một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội cho loại tội phạm này. Theo khung hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Bị cáo Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Tại phiên tòa và quá trình điều tra bị cáo Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã đến Công an đầu thú; trong thời gian bị tạm giam bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần hậu quả

thiệt hại; bị cáo thuộc diện hộ nghèo của xã C và sống ở vùng kinh tế khó khăn. Do vậy bị cáo Đ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định theo điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản Điều 54 Bộ luật hình sự 2015.

Không nhất trí việc đề nghị áp dụng điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 vì xác định đây vẫn là tài sản của bà Hoàng Thị T, chưa làm thủ tục bán, tặng cho ai và tất cả những thành viên trong gia đình đều nhất trí đây là tài sản của bà T nên không có căn cứ để cho rằng anh Bé Hữu T2 cũng là bị hại và có một phần lỗi đã dẫn đến sự kích động trạng thái tâm thần đối với bị cáo.

Bị cáo Đ thuộc diện hộ nghèo, thu nhập không ổn định do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 589 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại là ông Bé Xuân H yêu cầu bị cáo Vương Thị Đ phải có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền là: **262.683.000đ** (*hai trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng*) trong đó: Phần thiệt hại của ngôi nhà là: **246.800.000đ** (*Hai trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng*); Thiệt hại số tài sản vận dụng, đồ dùng cá nhân của bà T là: **15.883.000đ** (*Mười năm triệu tám trăm tám mươi ba nghìn đồng*).

HĐXX xét thấy sự thỏa thuận của ông H và bị cáo tại phiên tòa phù hợp quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 21 tháng 8 năm 2019, bị cáo Vương Thị Đ đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả thiệt hại cho bị hại số tiền là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) và được khấu trừ tổng số tiền bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường là **262.683.000đ**. Bị cáo Đ còn phải bồi thường cho gia đình bị hại số tiền còn lại là **252.683.000đ** (*hai trăm năm mươi hai triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng*) và bị cáo phải chịu lãi xuất chậm trả theo quy định pháp luật.

[6] Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy công cụ dùng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng:

Một can nhựa màu vàng, nắp bằng nhựa màu đỏ, phần gần miệng can bị phồng rộp, thủng, can loại 02 lít.

(Tình trạng vật chứng theo như biên bản bàn giao giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A, tỉnh Hà Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hà Giang ngày 16-7-2019).

[7] Về án phí: Bị cáo Đ thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn giảm án phí, HĐXX chấp nhận đơn đề nghị, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo.

Theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 14 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng khoản 3 Điều 178; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Vương Thị Đ phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Vương Thị Đ **42 (bốn mươi hai)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Đ bị bắt, ngày 21-11-2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS và khoản 1 Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 589 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Trả cho bà Hoàng Thị T - Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang số tiền bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện A tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số 00309 ngày 21-8-2019.

2. Buộc bị cáo Vương Thị Đ còn phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại Hoàng Thị T số tiền: **252.683.000đ** (hai trăm năm mươi hai triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng) và bị cáo phải chịu lãi xuất chậm trả theo quy định pháp luật. Người nhận tiền bồi thường là bà Hoàng Thị T - Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng:

Một can nhựa màu vàng, nắp bằng nhựa màu đỏ, phần gần miệng can bị phồng rộp, thủng, can loại 02 lít.

(Tình trạng vật chứng theo như biên bản bàn giao giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A, tỉnh Hà Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hà Giang ngày 16-7-2019).

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 14 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 “Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Bị cáo Vương Thị Đ được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch.

Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04-9-2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Công an huyện A;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Thi hành án huyện A;
- Lưu hs, hstha, vp.

T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đán Văn Đ

